

UBND TỈNH NINH BÌNH
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU
CÔNG NGHIỆP

Số: 44/QĐ-BQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 10 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu giấy dếp” của Công ty TNHH Global Develop tại KCN Tam Điệp I, tỉnh Ninh Bình

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các KCN trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế của Ban Quản lý các KCN tỉnh Ninh Bình;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu giấy dếp” tại Thông báo kết quả thẩm định số 366/BQL-TB ngày 26/6/2020;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu giấy dếp” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 03/CV ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Công ty TNHH Global Develop về việc chỉnh sửa, đề nghị phê duyệt ĐTM của Dự án “Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu giấy dếp” theo ý kiến hội đồng thẩm định họp ngày 23/6/2020;

Xét đề nghị của phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu giấy dếp” (sau đây gọi là Dự án) của Công

ty TNHH Global Develop (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại KCN Tam Điệp, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm sau: Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. / . *dh*

Nơi nhận

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Tam Điệp;
- UBND xã Quang Sơn;
- Công ty TNHH Global Develop ;
- Lưu VP.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Trần Đức Cường

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NHÀ MÁY SẢN XUẤT NGUYÊN PHỤ LIỆU NGÀNH GIÀY DÉP
(Kèm theo Quyết định số: 44/QĐ-BQL ngày 10 tháng 4 năm 2020
của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án

Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giày dép.

1.2. Chủ dự án

- Tên Chủ dự án: Công ty TNHH Global Develop.

- Địa chỉ trụ sở chính: 16F RAILWAY PLAZA, 39 CHATHAM ROAD SOUTH TSIM SHA TSUI, HONG KONG, TRUNG QUỐC.

- Điện thoại: 0237.862.3668

Fax: 02293.777.350

- Đại diện: CHUANG CHIA WEI

Chức vụ: Giám đốc

1.3. Địa điểm và phạm vi thực hiện dự án

Dự án thuê lại nhà xưởng và các công trình phụ trợ của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Aurora Việt Nam tại KCN Tam Điệp I, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Diện tích đất: 14.000m², vị trí diện tích dự án cụ thể như sau:

- Phía Tây giáp Phía Bắc giáp đường khu công nghiệp;

- Phía Nam giáp dự án Nhà máy sản xuất giày dép và nguyên phụ liệu giày dép của Công ty TNHH giày Adora Việt Nam.

- Phía Bắc giáp Dự án Nhà máy sản xuất giày dép và nguyên phụ liệu giày dép của Công ty TNHH giày Adora Việt Nam và hành lang an toàn đường điện;

- Phía Đông giáp phần còn lại của Dự án Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu giày dép của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Aurora Việt Nam (bên cho thuê nhà xưởng);

1.4. Quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của dự án

1.4.1. Quy mô, công suất của dự án

- Diện tích đất sử dụng cho dự án là 14.000m² (thuê lại nhà xưởng và các công trình phụ trợ của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Aurora Việt Nam).

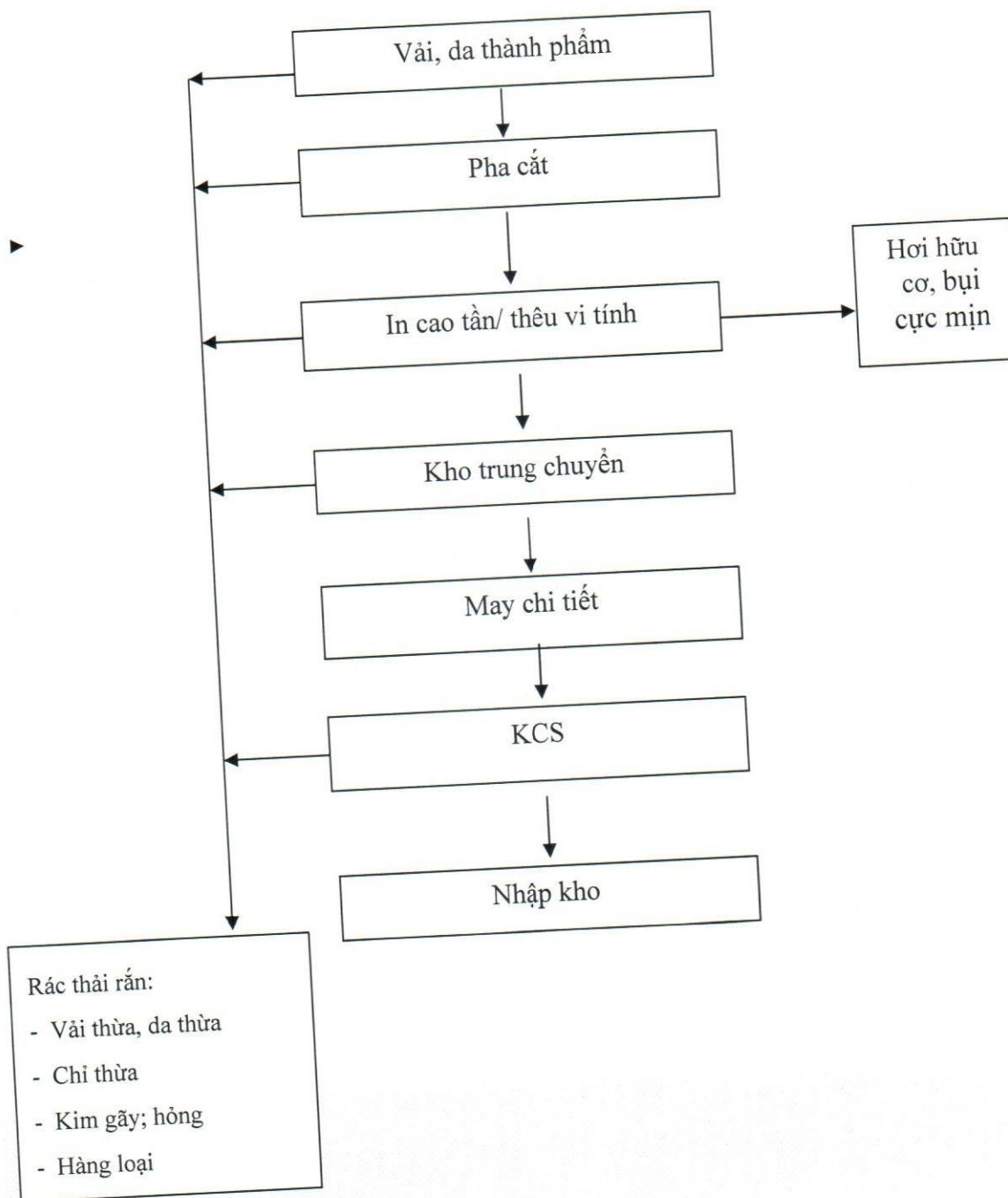
- Công suất của dự án là 1,5 triệu đôi sản phẩm phụ kiện giày/năm (đế giày, lót giày, mặt giày).

1.4.2. Công nghệ sản xuất của dự án

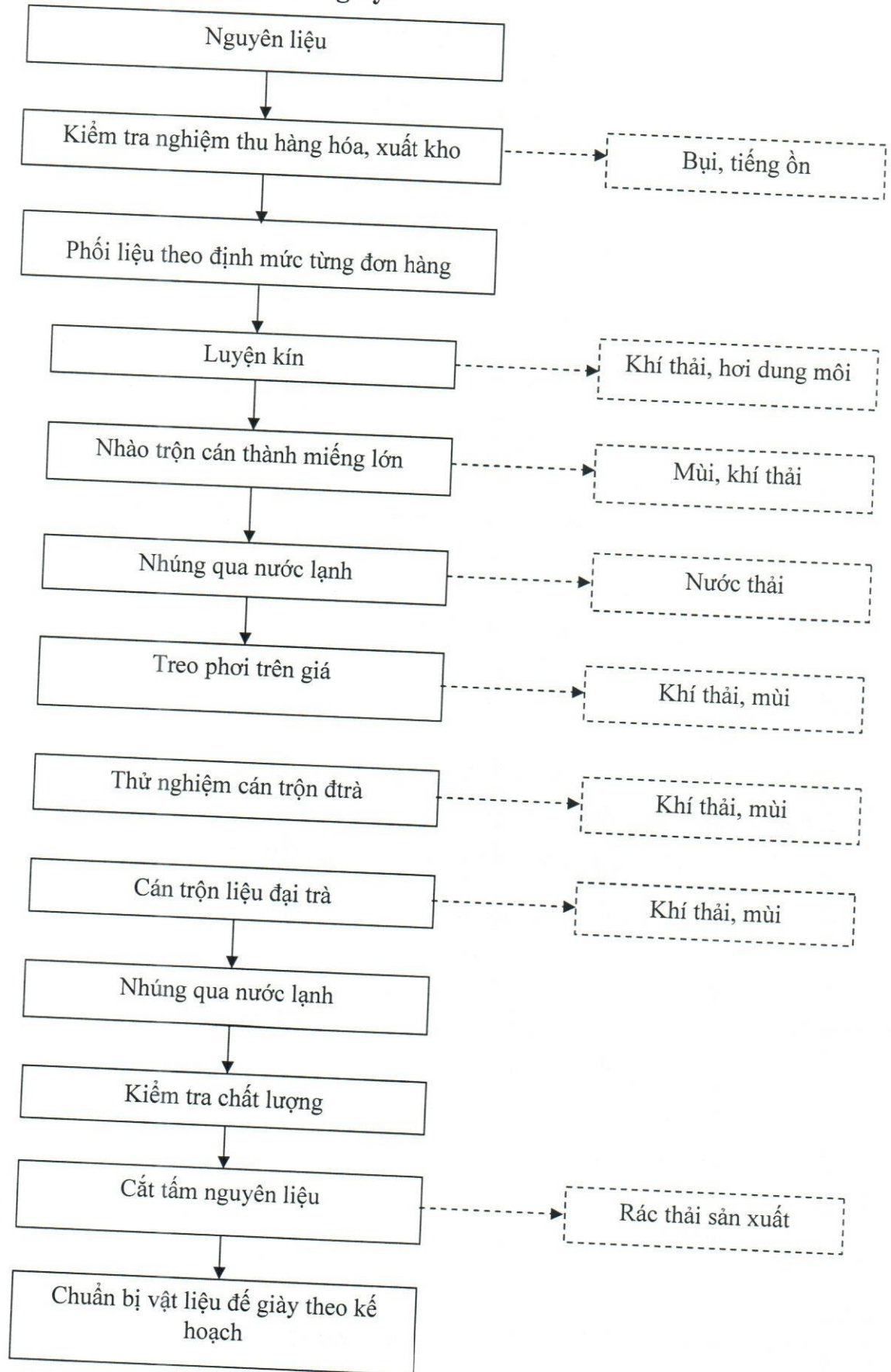
- **Tên công nghệ** : Công nghệ sản xuất đế giày và mặt giày theo công nghệ Đài Loan.

- **Xuất xứ công nghệ** : Đài Loan

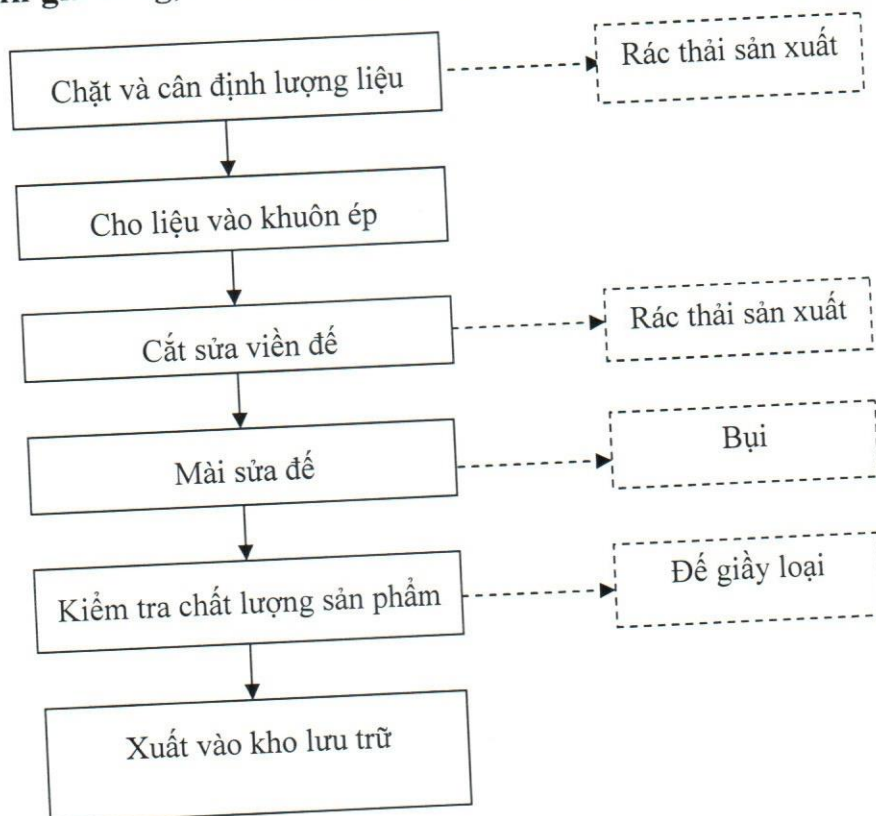
- **Sơ đồ lưu trình sản xuất mũ giày (mặt giày)**



Công đoạn sản xuất phân để giày:



- Sơ đồ quy trình gia công, hoàn thiện đế giày:



1.5. Các hạng mục công trình của dự án

a. Các hạng mục công trình chính

Bảng 1. Các hạng mục công trình chính của dự án

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Số tầng	Diện tích sàn	Ghi chú
1	Xưởng sản xuất số 1	2.599	01	2.599	Đã được bên cho thuê xây dựng
2	Xưởng sản xuất số 2	2.555	01	2.555	Đã được bên cho thuê xây dựng
Tổng		5.154	-	5.154	-

b. Các công trình phụ trợ

Bảng 2. Tổng hợp các hạng mục phụ trợ của Dự án

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Số tầng	Diện tích sàn	Ghi chú
1	Nhà kho	1.901	01	1.901	Đã được bên cho thuê xây dựng
2	Nhà bảo vệ	12,5	01	15	Đã được bên cho thuê xây dựng
3	Trạm điện, máy phát	210	01	210	Đã được bên cho thuê xây dựng
4	Nhà vệ sinh	30,2	01	60	Đã được bên cho thuê xây dựng
5	Nhà để xe	450	01	450	Đã được bên cho thuê xây dựng
6	Nhà sinh hoạt chung	53	01	53	Đã được bên cho thuê xây dựng
7	Nhà nghỉ công nhân	127,5	01	127,5	Đã được bên cho thuê xây dựng
8	Bể nước, tháp nước	108,8	-	108,8	Đã được bên cho thuê xây dựng
9	Nhà ăn công nhân	297	01	297	Đã được bên cho thuê xây dựng
10	Đường nội bộ, cây xanh	5.496	-	-	Đã được bên cho thuê xây dựng
Tổng		8.686	-	-	-

c. Các công trình chính phục vụ công tác bảo vệ môi trường

TT	Hạng mục	Quy mô	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Hệ thống lọc bụi khí thải tại khu vực mài đá	-	HT	01	Chủ Dự án sẽ tự xây dựng, lắp đặt
2	Hệ thống lọc bụi khí thải tại khu vực luyện	-	HT	01	Chủ Dự án sẽ tự xây dựng, lắp

TT	Hạng mục	Quy mô	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	kín				đặt
3	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	30m ³ /ngày đêm	HT	01	Chủ Dự án sẽ tự xây dựng, lắp đặt
4	Kho chứa CTR sinh hoạt	50m ²	kho	01	Đã được bên cho thuê xây dựng
5	Kho chứa CTR sản xuất	60m ²	kho	01	Đã được bên cho thuê xây dựng
6	Kho chứa CTNH	50m ²	kho	01	Đã được bên cho thuê xây dựng
7	Quạt hút làm thoáng nhà xưởng	-	cái	06	Đã được bên cho thuê xây dựng
8	Thùng đựng rác thải	Dung tích 100l	cái	10	Chủ Dự án sẽ đầu tư
9	Hệ thống PCCC		Hệ thống	0	Đã được bên cho thuê lắp đặt

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

2.1.1. Giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc:

- Tác động do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc.
- Tác động do hoạt động thi công xây dựng hệ thống xử lý nước thải, khí thải và lắp đặt máy móc thiết bị.
- Tác động do hoạt động của công nhân trên công trường.

2.1.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm và giai đoạn hoạt động:

- Tác động do hoạt động của các phương tiện giao thông.
- Tác động từ hoạt động sản xuất.
- Tác động từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động.
- Tác động do sự cố các công trình bảo vệ môi trường và dây chuyền sản xuất.

2.2. Quy mô, tính chất của chất thải

2.2.1. Giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc

a. Quy mô tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động thi công lắp đặt:

+ Lượng phát sinh: $0,45 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

+ Tính chất: Nước thải này chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), amoni, nitrat, photphat, coliform...

- Nước mưa chảy tràn:

+ Lượng phát sinh: $0,49 \text{ m}^3/\text{s}$ trên toàn khu vực dự án.

+ Tính chất: nước mưa chảy tràn qua dự án chứa lượng lớn các chất bám tích lũy trên bề mặt như dầu, mỡ, bụi... do hoạt động thi công chưa được dọn dẹp, thiết bị thi công.

b. Quy mô tính chất của bụi, khí thải

+ Bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ máy móc;

+ Bụi, khí thải từ máy móc, hoạt động lắp đặt;

c. Quy mô tính chất của chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công:

+ Khối lượng phát sinh ước tính: 5 kg/ngày ;

+ Thành phần chất thải sinh hoạt chủ yếu gồm: thực phẩm thừa, giấy,... và các chất vô cơ như túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, kim loại,...

- Chất thải rắn thi công:

+ Vật liệu xây dựng thải: 5 kg/ngày .

+ Thành phần bao gồm sắt, gỗ, gạch đá vụn, bao bì ...

d. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại

+ Khối lượng phát sinh ước tính: $2-3 \text{ kg/tháng}$.

+ Thành phần: giẻ lau dính dầu mỡ, bình ắc quy cũ, bóng đèn neon sau sử dụng, nước thải từ vệ sinh máy móc định kỳ (khoảng $5 \text{ m}^3/\text{năm}$)...

2.2.2 Giai đoạn hoạt động của dự án

a. Quy mô tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Lượng phát sinh: $24 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

+ Thành phần, tính chất: chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), amoni, nitrat, photphat, coliform...

- Nước thải sản xuất:

+ Lượng nước làm mát $3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ được tuần hoàn, tái sử dụng.

+ Nước vệ sinh công nghiệp : $5\text{m}^3/\text{tháng}$
 + Thành phần, tính chất: nước thải chứa nhiều cặn lơ lửng, dầu mỡ, các chất độc hại, có pH cao.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Lượng phát sinh: $0,485\text{ m}^3/\text{s}$.

+ Tính chất: Trong nước mưa thường chứa lượng lớn các chất bẩn tích lũy trên bề mặt như dầu, mỡ, bụi...

b. Quy mô tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ sản xuất tại Nhà máy chủ yếu do khí thải từ công đoạn phối trộn nguyên liệu sản xuất đế, in xoa, trộn (thành phần gồm bụi các loại và hơi dung môi).

- Từ các nguồn khác như máy phát điện, điều hòa, mùi từ rác thải sinh hoạt, khí thải từ hoạt động giao thông của cán bộ và nhân viên (thành phần gồm Bụi, CO, SO₂, NO₂, HC...)

c. Quy mô tính chất của chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Lượng phát sinh ước tính: $250\text{ kg}/\text{ngày}$;

+ Thành phần rác thải sinh hoạt chủ yếu là: các chất hữu cơ: rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, vải vụn... và các chất vô cơ: túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, kim loại,

- Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất:

+ Khối lượng phát sinh ước tính: $57,6\text{ kg}/\text{ngày}$

+ Thành phần các loại chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất bao gồm: Dầu mầu ba via vụn, bao bì carton, bao bì nilon, các sản phẩm lỗi như đế giày, mặt giày, viền đế

d. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại

+ Khối lượng phát sinh ước tính khoảng $3-4\text{ kg}/\text{ngày}$.

+ Thành phần chất thải nguy hại gồm giẻ lau dính dầu mỡ, bình ắc quy cũ, bóng đèn neon sau sử dụng, thiết bị, hộp hóa chất sau sử dụng, than hoạt tính qua sử dụng...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng lắp đặt máy móc thiết bị

a. Về thu gom và xử lý nước thải từ hoạt động xây dựng, lắp đặt máy móc:

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa từ mái của các nhà được thu qua các phễu thu chảy vào các ống đứng thoát nước mưa. Nước từ các ống đứng thoát nước mưa được thu về các hố ga của hệ thống thoát nước ngoài nhà rồi ra hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp (mương thu gom, thoát nước mưa

được xây dựng bằng gạch, có nắp đan bằng BTCT, lót đáy bằng bê tông đá. Mương dọc khẩu độ từ B300 – B400, tổng chiều dài mương là 540m, hố ga đặt ở đầu góc các nhà xưởng để thu lắng cát thải rắn, nắp mương bằng BTCT M200).

- Nước thải sinh hoạt: Sử dụng hệ thống nhà vệ sinh sẵn có đã được bên cho thuê nhà xưởng xây dựng (03 nhà).

b. Về xử lý bụi khí thải phát sinh từ hoạt động xây dựng lắp đặt máy móc:

- Tưới ẩm với tần suất 1 lần/ngày tại khu vực thi công xây dựng hệ thống XLNT để hạn chế phát tán bụi trong quá trình thi công

- Không sử dụng xe, máy quá cũ để vận chuyển thiết bị máy móc;

- Sắp xếp thời gian và sử dụng các thiết bị cho công tác thi công một cách hợp lý, hạn chế vận hành đồng thời đối với những thiết bị.

c. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải rắn trong giai đoạn xây dựng:

- Các phế liệu có thể tái chế hoặc tái sử dụng như bao bì, chai lọ, sắt thép dư thừa được nhà thầu thu gom, tái sử dụng hoặc bán cho các đơn vị tái chế.

- Chất thải rắn không sử dụng đến sẽ được thu gom và chuyển về vị trí kho chứa chất thải rắn (đã được Bên cho thuê nhà xưởng xây dựng) dưới sự giám sát của Chủ Dự án sau và thuê đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

d. Công trình, biện pháp thu gom lưu giữ chất thải nguy hại trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động xây dựng được phân loại, thu gom vào các thùng phuy rồi chuyển vào kho chứa CTNH (đã được Bên cho thuê nhà xưởng xây dựng) để lưu giữ và thuê đơn vị chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

3.1.2. Giai đoạn hoạt động của dự án

a. Về thu gom và xử lý nước thải giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa từ mái của các nhà được thu qua các phễu thu chảy vào các ống đứng thoát nước mưa. Nước từ các ống đứng thoát nước mưa được thu về các hố ga của hệ thống thoát nước ngoài nhà rồi ra hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp (Mương thu gom, thoát nước mưa được xây dựng bằng gạch, có nắp đan bằng BTCT, lót đáy bằng bê tông đá. Mương dọc khẩu độ từ B300 – B400, tổng chiều dài mương là 540m, hố ga đặt ở đầu góc các nhà xưởng để thu lắng cát thải rắn, nắp mương bằng BTCT M200 – đã được Bên cho thuê nhà xưởng xây dựng).

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy để xử lý trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp. Cụ thể như sau:

* **Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt:** Đường ống bằng BTCT (đã được xây dựng) và ống nhựa D200 (chủ dự án sẽ đầu tư lắp đặt).

* **Bể tự hoại 3 ngăn** (đã xây dựng): Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt.

- Số lượng 03 bể, tổng dung tích 25m³

* **Hệ thống xử lý nước thải** (Chủ Dự án sẽ đầu tư xây dựng lắp đặt và vận hành)

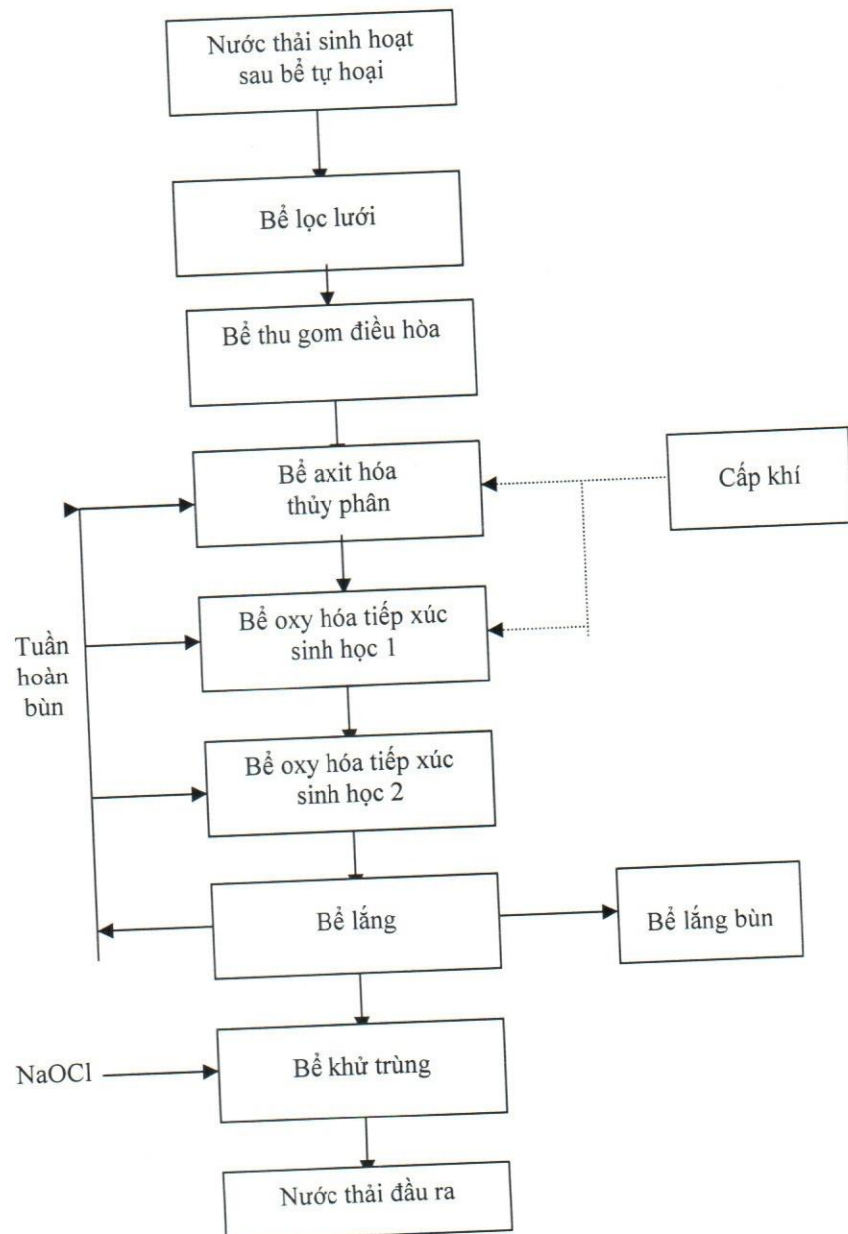
- Số lượng: 01 hệ thống

- Công suất xử lý 30m³/ngày đêm

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A

- Nguồn tiếp nhận: Hệ thống thoát nước của KCN Tam Điệp I.

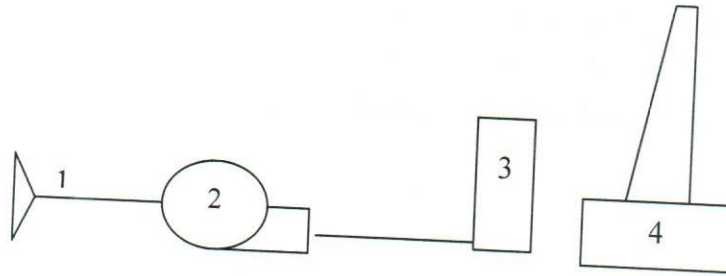
- Sơ đồ quy trình xử lý:



b. Về xử lý bụi, khí thải giai đoạn hoạt động:

b1. Hệ thống xử lý bụi tại khu vực mài đế (Chủ Dự án lắp đặt)

- Số lượng: 01 hệ thống
- Quy trình vận hành: Chụp hút thu bụi --> hệ thống đường ống dẫn --> lưới lọc bụi --> (bụi lắng sẽ được thu gom tái sử dụng hoặc định kỳ chuyển đi xử lý theo quy định) --> khí thải sau đó sẽ thoát ra ngoài qua ống xả khí. Theo sơ đồ sau:



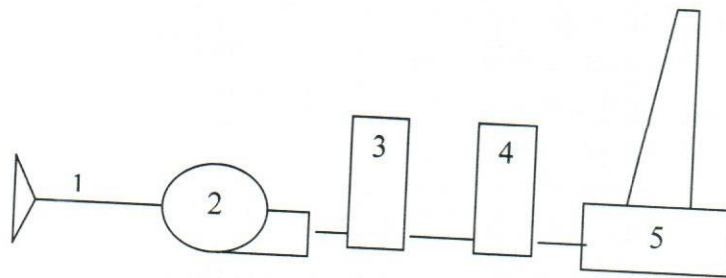
Trong đó: 1. Hệ chụp hút, 2. Quạt hút khí, 3. Lưới lọc bụi, 4. Ống xả khí

- Vị trí: (lắp đặt tại dây chuyền gia công, hoàn thiện đế giày).

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT

b2. Hệ thống xử lý bụi khí thải tại khu vực luyện kín (Chủ Dự án lắp đặt)

- Số lượng 01 hệ thống
- Quy trình vận hành: Khí thải tại các khu vực luyện kín và cân bột trong xưởng bụi được thu gom bằng hệ thống ống có chụp hút, nhờ 01 quạt hút tới thiết bị Cyclone để loại bỏ các hạt bụi có kích thước lớn, sau đó khí thải tiếp tục qua lớp than hoạt tính để loại bỏ các khí thải. Cuối cùng khí thải ra ngoài môi trường bằng ống xả khí. Theo sơ đồ sau:



1. Hệ chụp hút, 2. Quạt hút khí, 3. Xyclone, 4. Than hoạt tính, 5. Ống xả khí

- Vị trí lắp đặt (dây chuyền sản xuất phần đế giày).

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT

c. Công trình biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải rắn trong giai đoạn hoạt động.

Kho chứa chất thải sinh hoạt (đã được bên cho thuê nhà xưởng xây dựng)

- Số lượng: 01

- Diện tích: 50m²

- Quy trình thu gom và lưu giữ: rác thải được thu gom vào 10 thùng rác dung tích 100 lít đặt tại các khu vực phát sinh này, sau đó chuyển về kho chứa chất thải sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị thu gom chất thải sinh hoạt ở địa phương hàng ngày vận chuyển xử lý theo quy định.

Kho chứa chất thải sản xuất (đã được bên cho thuê nhà xưởng xây dựng)

- Số lượng: 01

- Diện tích: 60m²

- Quy trình thu gom và lưu giữ: Chất thải rắn thông thường phát sinh được thu gom vào một góc trong xưởng sản xuất rồi định kỳ hàng ngày bố trí nhân viên từng bộ phận thu gom rác và chuyển về kho chứa CTR, tại đây phân loại chất thải thành 2 loại: chất thải có thể tái chế (bán cho đơn vị thu gom), chất thải không thể tái chế Công ty sẽ ký hợp đồng để thu gom vận chuyển đi xử lý theo quy định.

d. Công trình, biện pháp thu gom lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại giai đoạn hoạt động

Kho chứa chất thải nguy hại (đã được bên cho thuê nhà xưởng xây dựng)

- Số lượng: 01

- Diện tích: 50m²

- Quy trình thu gom, phân loại và lưu giữ: thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh vào thùng chứa có nhãn dán và mã số chất thải tại kho chứa CTNH; Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định. Quản lý, lưu giữ, chuyển giao và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình phát sinh CTNH theo quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

3.4.1. Giai đoạn xây dựng lắp đặt máy móc

- Phải trang bị các phương tiện bảo hộ lao động để chống ồn, đảm bảo sức khoẻ cho công nhân;

- Những máy móc gây ra tiếng ồn và rung lớn trong thi công như máy đầm, máy xúc sẽ chỉ được phép làm việc vào ban ngày, không kể giờ nghỉ trưa. Hạn chế các tiếng động lớn vào ban đêm (từ 22h đến 6h).

3.4.2. Giai đoạn hoạt động của dự án

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án, diện tích cây xanh chiếm > 10% diện tích dự án.
- Lắp đặt máy móc đúng theo quy trình hướng dẫn nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: Chêm lót, chỉnh cho máy cân bằng.
- Trang bị đầy đủ các thiết bị và dụng cụ chống ồn cá nhân (mũ, chụp bịt tai, găng tay, ủng, quần áo lao động...).
- Lắp đặt quạt hút thông gió nhà xưởng sản xuất: Số lượng 06 quạt

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a. Biện pháp phòng cháy chữa cháy:

Hệ thống phòng cháy chữa cháy tại nhà máy bao gồm những thành phần cơ bản sau: Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn exit, hệ thống chữa cháy bằng nước vách tường và trụ chữa cháy ngoài nhà kết hợp với hệ thống chữa cháy Sprinkler, trang bị các bình chữa cháy cho công trình (bình chữa cháy bằng bột tổng hợp ABC loại 4kg, bình chữa cháy bằng khí CO₂ 3kg loại MT3).

b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất:

Công ty xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp theo đúng quy định tại Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất trình Sở công thương phê duyệt.

c. Biện pháp đối với các sự cố của hệ thống xử lý nước thải, khí thải

Thực hiện các biện pháp sau: Định kỳ vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh tắc, ứ đọng hệ thống đường ống; Định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải và khí thải sau xử lý; Các biện pháp khắc phục sự cố được lưu ở dạng văn bản và được hướng dẫn cho cán bộ phụ trách. Trường hợp hệ thống xử lý khí thải, nước thải hỏng phải tạm dừng sản xuất để tiến hành khắc phục sự cố đến khi nào công việc sửa chữa hoàn thành, xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới tiến hành sản xuất trở lại.

d. Quy trình kiểm soát, ứng phó sự cố hóa chất

- Lập danh mục quản lý hóa chất.
- Biên soạn các hướng dẫn sử dụng hóa chất.
- Thực hiện nghiêm túc các hoạt động kiểm tra.
- Thực hiện các nguyên tắc bắt buộc trong quản lý hóa chất:

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

4.1. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

4.2. Hệ thống xử lý bụi khí thải tại khu vực mài đá

4.3. Hệ xử lý bụi khí thải tại khu vực luyện kín

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Bảng 5. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường

TT	Đối tượng giám sát	Ký hiệu, vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
I Chương trình giám sát trong quá trình vận hành thử nghiệm					
1	Nước thải	- NT ₁ : Tại vị trí thu gom nước thải tập trung trước xử lý của nhà máy. NT ₂ : Tại vị trí thoát nước thải sau xử lý của nhà máy.	Nhiệt độ, pH, BOD ₅ , TSS, TDS, S ²⁻ , PO ₃ ⁻ , NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ , tổng chất hoạt động bề mặt, tổng dầu mỡ, Coliforms.	3 tháng/lần	Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT và QCĐP 01:2020/NB
2	Khí thải	- KT1: Khí thải tại ống thoát khí khu vực mài đá - KT2: Khí thải tại ống thoát khí khu vực phối trộn, nguyên liệu luyện kín cao su	Bụi và khí ô nhiễm: CO, SO ₂ , NO _x , THC, toluen, bezen.	3 tháng/lần	QCVN 19:2009/BTNMT QCVN 20:2009/BTNMT
II Chương trình giám sát trong quá trình vận hành thương mại					
1	Nước thải	- NT ₁ : Tại vị trí thu gom nước thải tập trung trước xử lý của nhà máy. - NT ₂ : Tại vị trí thoát nước thải sau xử lý của nhà máy.	Nhiệt độ, pH, BOD ₅ , TSS, TDS, S ²⁻ , PO ₃ ⁻ , NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ , tổng chất hoạt động bề mặt, tổng dầu mỡ, coliforms.	3 tháng/lần	Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT

TT	Đối tượng giám sát	Ký hiệu, vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
2	Môi trường không khí lao động	- K ₁ : Không khí, ồn khu vực nhà kho - K ₂ : Không khí ồn khu vực nhà xưởng 1 - K ₃ : Không khí ồn khu vực nhà xưởng 2	Bụi và khí ô nhiễm: CO, SO ₂ , NO _x , THC, toluen, bezen Tiếng ồn Các thông số khí tượng: gió, nhiệt độ, độ ẩm.	3 tháng/lần	Tiêu chuẩn của Bộ Y tế về môi trường lao động (Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT), QCVN 05:2013/BTNMT
3	Khí thải	- KT1: Khí thải tại ống thoát khí khu vực mài đế - KT2: Khí thải tại ống thoát khí khu vực luyện kín cao su	Bụi và khí ô nhiễm: CO, SO ₂ , NO _x , THC, toluen, bezen.	3 tháng/lần	QCVN 19:2009/BTNMT QCVN 20:2009/BTNMT

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

6.1. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

- Trong quá trình thi công lắp đặt và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung.
- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công lắp đặt và vận hành Dự án phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.
- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công lắp đặt và vận hành Dự án phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.
- Xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30m³/ngày đêm nước thải đầu ra đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT.
- Xây dựng, lắp đặt và vận hành các hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 20:2009/BTNMT.

6.2. Các điều kiện kèm theo:

- Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các giải pháp kỹ thuật phù hợp nhằm ngăn chặn và giảm thiểu các sự cố ngập lụt, sụt lún phát sinh do việc xây dựng Dự án; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường khác phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án; tuân thủ các yêu cầu về phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực và giao thông trong khu công nghiệp.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường hàng năm đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật, lưu giữ tại đơn vị và gửi 01 bộ đến Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình để kiểm tra và giám sát.

- Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng theo quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng.

6.3. Chủ dự án có trách nhiệm:

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện kèm theo và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất và được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, nổ theo quy định hiện hành.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu.

- Trong quá trình triển khai xây dựng dự án, chủ dự án có những thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật bảo vệ môi trường 2014 phải báo cáo bằng văn bản cho Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

- Lập và gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát./.